TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/HS-ST
Ngày 15 -11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng, ông Nguyễn Văn Thể.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 154/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với:

- *Bị cáo Phạm Văn N, sinh năm 1973*, tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông: Phạm Văn C và bà Phạm Thị B (đã chết); vợ: Lê Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: ngày 21/9/2024 đến 30/9/2024 chuyển áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm giam: Không; bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

- *Bị hại*:

+ Bà Ngô Thị H, sinh năm 1963 (đã chết), người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1938; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2004; nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

+ Ông Lê Hồng T2, sinh năm 1939; nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Lại Văn T3, sinh năm 1970; nơi cư trú: SN B, tổ F, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn A, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Ứng Mạnh H1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn N có Giấy phép lái xe ô tô hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh H cấp, hiện đang là lái xe thuê cho ông Lại Văn T3 trú tại tổ F, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Trưa ngày 21/9/2024, Phạm Văn N một mình điều khiển xe ô tô tải BKS 90H-004.35 đi từ xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam ra cảng Y để lấy cát. N điều khiển xe ở làn đường dành cho xe cơ giới sát với dải phân cách cứng giữa đường của Quốc lộ C cũ với tốc độ khoảng 40km/h. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, N đi đến gần nút giao của đường Q cũ với đường Quốc lộ 38 mới thuộc địa phận tổ dân phố V, phường Y, thị xã D thì N bật xi nhan phải để chuyển hướng rẽ vào đường Quốc lộ 38 mới. Khi đó, N quan sát thấy ông Lê Hồng T2 điều khiển xe mô tô BKS 17F3-8840, màu đỏ phía sau chở theo bà Ngô Thị H đi phía trước cùng chiều trên làn đường dành cho xe cơ giới phía trong cách đầu xe ô tô 90H-004.35 khoảng 10 mét với tốc độ khoảng 20km/h. N vẫn giữ nguyên tốc để vượt xe mô tô do ông T2 điều khiển để đi vào đường Quốc lộ 38 mới. Lúc này, xe ô tô và xe mô tô đi song song với nhau, thành xe ô tô bên phải cách xe mô tô khoảng hơn 01 mét. Do không giảm tốc độ kịp thời và không giữ khoảng cách an toàn với xe mô tô của ông T2 nên N đã để phần chắn bùn của bánh trước bên phải xe ô tô biển số 90H-004.35 va chạm với đầu tay nắm bên trái xe mô tô 17F3-8840 làm xe mô tô đổ nghiêng bên trái ra mặt đường, ông T2 bị ngã văng sang bên phải còn bà H ngã văng sang bên trái vào gầm xe ô tô. Lốp ngoài bên phải của cầu trục thứ 3 (tính từ đầu xe) đã đè lên đầu bà H làm bà H tử vong tại hiện trường. Ông Lê Hồng T2 bị xây xát nhẹ, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Vật chứng thu giữ, gồm: 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, màu sơn: xanh, BKS 90H-004.35, số khung LZZ5EXSB6HN196765, số máy WD615471701070216 27; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, C của Phạm Văn N số 350103001373 do Sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 17/02/2020; 01 Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, biển số 90H-004.35 do Trung tâm Đ chi nhánh Công ty TNHH M cấp; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda DD nữ, màu đỏ, biển kiểm soát 17F-8840, số khung 8419730, số máy 8568176 đã qua sử dụng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 350103001373 mang tên Lê Hồng T2 do Sở giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 12/01/2014; 01 Đăng ký mô tô, xe máy số A0034590 của xe mô tô BKS 17F-8840.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra trên mặt đường khu vực ngã ba giao nhau giữa Quốc lộ C cũ với Quốc lộ C mới km81+300, có đảo chỉ dẫn giao thông, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng đoạn đường cong theo hướng Đ - Hưng Yên. Từ đầu giải phân cách giữa đường đến điểm gần nhất đảo hướng dẫn giao thông dài 50cm, khu vực xảy ra tai nạn giao thông mặt đường rộng 32,3cm. Bên phải Quốc lộ C hướng Đ - Hưng Yên có làn xe thô sơ rộng 2 mét, phân cách làn xe cơ giới vạch sơn màu trắng nét liền rộng 0,2 mét. Chiều Đ - Hưng Yên có 3 làn đường, làn trong cùng rộng 1,7 mét, phân cách hai làn ngoài lớn vạch sơn màu trắng nét liền rộng 0,2 mét, hai làn ngoài rộng lần lượt là 3,5 mét và 3,9 mét được phân cách với nhau bởi vạch sơn màu trắng nét đứt rộng 0,15 mét có vạch sơn giảm tốc độ màu vàng. Trên hiện trường để lại các dấu vết, phương tiện,

nạn nhân được đánh số thứ tự tự nhiên từ (1) đến số (7). Chọn mép đường bên phải Quốc lộ C đoạn đường đôi hướng Đ - Hưng Yên và đường thẳng nối dài mép đường này qua khu vực xảy ra tai nạn giao thông làm mép chuẩn (các số đo được để vuông góc). Chọn tâm chân cột KM 81+300 cắm mép đường bên phải Quốc lộ C hướng Đ - Hưng Yên làm điểm mốc. Ký hiệu số (1) là tổ hợp vết mài trượt không liên tục, hướng Đ - Hưng Yên, kích thước (4.05x0,15) mét, điểm gần nhất cách mép chuẩn 1,55 mét, điểm cuối là vị trí tiếp giáp giữa mặt Quốc lộ C với sườn xe mô tô bên trái số (3). Đầu dấu vết số (1) cách đầu dấu vết số (2) hướng Đ - Hưng Yên là 2,6 mét. Ký hiệu số (2) là vết phanh đôi, bề mặt có bám dính vải màu tím, hướng Đ - Hưng Yên, kích thước (13,2x0,55) mét, điểm gần nhất cách mép chuẩn là 1,2 mét, điểm cuối gần nhất cách mép chuẩn là 3,8 mét. Đầu dấu vết số (2) cách trục sau xe mô tô số (3) hướng Đ - Hưng Yên là 1 mét. Ký hiệu số (3) là xe ô tô biển số 17F3-8840 đổ áp sườn trái xuống mặt đường Quốc lộ 38 đầu xe quay hướng Hưng Yên, đuôi xe quay hướng Đ, trục trước cách mép chuẩn là 1,5 mét, trục sau cách mép chuẩn là 0,5 mét. Trục sau xe mô tô số (3) cách đầu dấu vết số (4) hướng Đ - Hưng Yên là 0,7 mét. Ký hiệu số (4) là vết mài trượt bề mặt bám dính tổ hợp mô, da thịt hướng Đ - Hưng Yên, kích thước (4,4x0,35) mét, điểm gần nhất cách mép chuẩn là 0,55 mét, điểm cuối là đỉnh đầu nạn nhân số (5). Đầu dấu vết số (4) cách đỉnh đầu nạn nhân số (5) hướng Đ - Hưng Yên là 4 mét. Ký hiệu số (5) là nận nhân nữ đã chết trong tư thế nằm úp mặt và người xuống mặt đường Quốc lộ 38, đầu quay hướng Hưng Yên, chân quay hường Đ, đỉnh đầu cách mép chuẩn là 1,5 mét, gót chân trái cách mép chuẩn là 1,2 mét. Đỉnh đầu nạn nhân số (5) cách trục sau bên trái xe mô tô số (6) hướng Đ - Hưng Yên là 14 mét. Ký hiệu số (6) là xe ô tô biển số 90H-00435 đang đỗ, đầu xe quay hướng Hưng Yên, đuôi xe quay hướng Đ. Trục trước bên trái cách mép chuẩn là 9,15 mét. Ký hiệu số (7) là khu vực nhựa vỡ, dép, mũ bảo hiểm, kích thước (12x1,2) mét, tầm dấu vết cách mép chuẩn là 1,7 mét. T4 dấu vết số (7) cách đỉnh đầu nạn nhân số (5) hướng Hưng Yên - Đ là 1,1 mét. Trục trước bên phải xe ô tô số (6) cách điểm mốc hướng Đ - Hưng Yên là 6,3 mét.

Kết quả khám xe ô tô BKS số 90H-004.35: Toàn bộ xe bám dính bụi đất, nước mưa, có nhiều vết mài sạt cũ, cạnh trước mặt ngoài chắn bùn phía sau bánh trước bên phải có vết trượt, mài sạt nhựa sạch bụi đất kích thước (3,2x2)cm hướng từ trước về sau, điểm thấp nhất cách mặt đất là 104cm. Cách vết này là 9,5cm tại cạnh trước trong của chắn bùn này có vết sạch bụi đất, mài mòn nhựa kích thước (2,8x1,5)cm, hướng từ trước về sau, từ trong ra ngoài, từ trái sang phải, điểm thấp nhất cách mặt đất là 93cm. Mặt trước ngoài chắn bùn phía trước bánh xe bên phải cầu trục thứ hai (tính từ trước về sau) có vết trượt mài bụi đất trên diện (1,5x4)cm hướng từ trước về sau, từ phải sang trái, điểm thấp nhất cách mặt đất là 56,5cm. Phần trước chắn bùn bánh bên phải lốp cầu trục thứ 2 áp sát vào mặt lăn, mặt sau cạnh ngoài cùng bên phải của chắn bùn này có vết trượt sạt sạch bụi đất kích thước (15x5,5)cm, hướng từ trên xuống, cách mặt đất là 56,5cm. Má ngoài lốp ngoài và mặt lăn tại vị trí tiếp giáp của hàng lốp bên phải cầu trục thứ 3 (tính từ trước về sau) bám dính tổ chức nghi mô da cơ trên diện (18x15)cm hướng ngược chiều tịnh tiến của bánh xe. Má ngoài lốp ngoài và mặt lăn tại vị trí tiếp giáp của hàng lốp bên phải cầu trục thứ 4 (tính từ trước về sau) có vết trượt bám dính tổ chức nghi mô da cơ, não người, lông, tóc trên diện (20x7)cm hướng ngược chiều tịnh tiến của bánh xe, điểm gần

nhất cách số 0 cuối cùng trong hàng chữ số: "12-00R20" là 15cm theo hướng cùng chiều tịnh tiến bánh xe. Mặt lăn bánh trong hàng lốp bên phải cầu trục thứ 4 (tính từ trước về sau) bám dính chất màu nâu đỏ nghi máu trên diện (23x6)cm (tương ứng vị trí dấu vết ở má lốp và mặt lăn của lốp ngoài bên phải cầu trục này. Mặt lăn hàng lốp bên phải cầu trục thứ 3 từ trước về sau mòn đều rộng 25cm, hoa văn lốp chỗ rộng nhất là 6cm, khoảng cách mỗi hoa văn là 1cm. Mặt lăn hàng lốp bên phải cầu trục thứ 4 từ trước về sau mòn đều rộng 24cm, hoa văn lốp chỗ rộng nhất là 5,5cm, khoảng cách mỗi hoa văn là 1,5cm.

Kết quả khám xe mô tô BKS 17F-8840: Xe mô tô có gương chiếu hậu bên phải, cần gương bên trái chuyển động tự do, mặt sau ngoài tay nắm bên trái có vết trượt mòn cao su sạch bụi đất kích thước (7x1,5)cm, bề mặt bám dính chất màu đen dạng màng nhựa, điểm thấp nhất cách mặt đất là 97,5cm, điểm gần nhất đầu vết này cách cạnh trong cùng tay nắm này là 3,5cm, hướng từ sau ra trước, từ phải sang trái. Mặt trước ngoài đầu tay nắm bên trái có vết trượt mài sạt cao su kích thước (1,5x0,8)cm hướng từ trước về sau. Cạnh sau ngoài ốp gương chiếu hậu bên trái có vết trượt mài sạt nhựa kích thước (3,5x0,2)cm bề mặt bám dính bụi đất, điểm thấp nhất cách mặt đất là 99cm, hướng từ sau về trước, từ phải qua trái. Mặt ngoài bên tái giỏ xe phía trước có vết mài sạt, lõm nhựa, kim loại trên diện (16x15,7)cm, bề mặt bám bụi đất, hướng từ trước về sau, từ trái qua phải. Giá kim loại để chân trước bên trái lệch so với vị trí ban đầu là 7,5cm theo hướng từ trước về sau, từ trái qua phải ép sát vào bàn cần số phía sau. Mặt trước ngoài đầu để chân trước bên phải có vết mài sạt rách cao su, xước kim loại trên diện (3,5x2)cm, hướng từ trước về sau. Cạnh ngoài thanh kim loại bên trái chân trống giữa có vết mài sạt kích thước (0,7x0,7)cm hướng từ trước về sau, bề mặt dính bụi chất màu trắng dạng bột đá. Cạnh ngoài phần sau bên trái yên xe phía sau có vết trượt kích thước (10,5x3)cm, bề mặt bám dính bụi đất hướng từ sau về trước, điểm thấp nhát cách mặt đất là 74cm. Cạnh ngoài ốp đèn xi nhan phía sau bên trái có vết trượt kích thước (5x3,5)cm, bề mặt bám dính bụi đất, hướng từ sau về trước, điểm thấp nhất cách mặt đất là 58cm.

Kết quả khám nghiệm tử thi Ngô Thị H: Vùng đầu mặt biến dạng hoàn toàn hướng từ trước về sau, từ phải sang trái; Dập rách da từ vùng giữa mũi lên vùng trán, kích thước (12x6) cm; Dập rách da từ cánh mũi trái đến vùng hố mắt trái, kích thước (7x5) cm; Nhãn cầu trái tụt về phía sau, mũi, miệng có nhiều máu chảy ra, toàn bộ xương hàm mặt bị vỡ; Từ vùng nửa dưới mặt trái qua vùng cổ bên trái, nửa trên ngực trái, mặt trước vai trái đến hố chậu trái đến mu bàn tay trái có các vết xây xát, dập rách, tím da trên diện (80x22)cm hướng từ trên xuống dưới; Gãy thân xương ức, khung trước các xương sườn 3,4,5 khung bên, khung bên các xương sườn 7,8,9 bên trái và xương; Tím da vùng hố chậu phải kích thước (10x11)cm; Toàn bộ vùng lưng, mông và mặt ngoài đùi trái có các vết xây xát, tím da trên diện (70x52)cm, hướng từ trên xuống dưới; Gãy gai sau đốt sống L2, L3, L4; Rách da, xây xát vùng khuỷu tay trái kích thước (5x8)cm, hướng từ trên xuống dưới; Xây xát mặt trước gối trái trên diện (1x1)cm hướng từ trên xuống dưới; Xây xát mu bàn chân trái, vùng ngón 4, 5 kích thước (5x3)cm, hướng từ trên xuống dưới; tiến hành mổ tử thi.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 750/KL-KTHS ngày 26/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: Nguyên nhân tử vong của bà Ngô Thị H: Chấn thương sọ não (vỡ xương hộp sọ, thoát não) trên người bị đa chấn thương (chấn

thương sọ não, chấn thương hàm mặt, chấn thương ngực kín, chấn thương khung chậu).

Tại bản kết luận giám định số 815/KL-KTHS ngày 15/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: "*Vị trí va chạm đầu tiên: Dấu vết trượt, mài mòn nhựa bề mặt bám dính bụi đất tại cạnh sau, ngoài cùng ốp gương chiếu hậu bên trái; Dấu vết trượt, mòn cao su bề mặt bám dính chất màng màu đen dạng nhựa tại mặt sau, ngoài tay nắm bên trái xe mô tô biển số 17F3-8840 phù hợp với dấu vết trượt, mài mòn nhựa, trùi sạch bụi đất tại cạnh trước, ngoài và cạnh trước, trong chắn bùn phía sau bánh trước bên phải xe ô tô biển số 90H-004.35. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu dấu vết số (1) được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường thuộc phần đường bên phải đường Quốc lộ 38 cũ theo hướng Đ đi Y và trong khu vực giao nhau đường Quốc lộ 38 cũ với đường Quốc lộ 38 mới. Tại thời điểm xảy ra va chạm xe ô tô biển số 90H-004.35 ở bên trái, có hướng chuyển động cùng chiều, chếch từ trái sang phải so với hướng của xe mô tô biển số 17F3-8840. Không đủ cơ sở kết luận tốc độ của hai phương tiện ngay trước khi xảy ra tai nạn.*

Tại Phiếu đo nồng độ cồn của Phòng C1 Công an tỉnh H, xác định: Định lượng Ethanol (Cồn) trong hơi thở của Lê Hồng T2 là 0.000 mg/L.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa máu của Bệnh viện Đ1 - Đ, xác định: Định lượng Ethanol (Cồn) trong hơi thở của Phạm Văn N là 0.0 mg/L.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm sinh hóa nước tiểu của Bệnh viện Đ1 - Đ, xác định: Phạm Văn N có kết quả âm tính đối với các chất ma túy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn N đã bồi thường cho gia đình bà Ngô Thị H số tiền 220.000.000 đồng. Các bên đều cam đoan không có thắc mắc hay kiến nghị gì.

Cáo trạng số 160/CT-VKS-DT ngày 30/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố bị cáo Phạm Văn N về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Văn N từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về trách nhiệm dân sự; về vật chứng và tuyên án phí đối với bị cáo.

Tại phiên toà: Bị cáo Phạm Văn N xin giảm nhẹ và không tranh luận gì.

Bà Lê Thị T có mặt tại phiên toà không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, của Điều tra viên và Kiểm sát viên: Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh*:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/9/2024, tại nút giao của đường QL38 cũ với đường QL38 mới thuộc địa phận TDP V, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Phạm Văn N điều khiển xe ô tô BKS 90H-004.35 chuyển hướng vào đường QL38 cũ không đảm bảo an toàn, không giảm tốc độ kịp thời và không giữ khoảng cách an toàn với xe mô tô của ông Lê Hồng T2 đang đi cùng chiều phía trước, bên phải, trên làn đường dành cho xe cơ giới phía trong (trên xe mô tô ông T2 có chở bà Ngô Thị H), N điều khiển xe ô tô để vượt xe mô tô của ông T2 nên để phần chắn bùn của bánh trước bên phải xe ô tô BKS 90H-004.35 va chạm với đầu tay nắm bên trái xe mô tô BKS 17F3-8840 làm xe mô tô đổ nghiêng bên trái ra mặt đường, ông T2 bị ngã văng sang bên phải còn bà H ngã văng sang bên trái và bị bánh lốp ngoài bên phải của cầu trục thứ ba của xe ô tô BKS 90H-004.35 đè lên đầu bà H làm bà H tử vong tại chỗ, ông T2 bị xây xát nhẹ.

Hành vi nêu trên của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự an toàn giao thông, đồng thời ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, bị cáo có hành vi điều khiển xe ô tô biên số 90H – 004.35 chuyển hướng không đảm bảo an toàn vi phạm Điều 15 của Luật giao thông đường bộ Việt Nam, gây hậu quả nghiêm trọng đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả bồi thường theo thỏa thuận với bị hại, gia đình bị hại; đại diện gia đình bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ những nhận định trên xét thấy bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa mình và phòng ngừa chung trong xã hội.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng, tài liệu thu giữ:

Đối với 01 xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC, màu sơn: xanh, BKS 90H-004.35, số khung: LZZ5EXSB6HN196765, số máy: WD615471701070216 27 cùng giấy tờ xe là tài sản hợp pháp của ông Lại Văn T3; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda DD nữ màu đỏ BKS 17F-8840 cùng giấy tờ xe và 01 giấy phép lái xe hạng A1 là tài sản

hợp pháp, giấy tờ cá nhân của ông Lê Hồng T2, chiếc xe ô tô và chiếc xe mô tô này không là tang vật của vụ án, vụ việc nào khác nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho ông T3 và ông T2 là đúng pháp luật.

Đối với giấy phép lái xe ô tô có số 350103001373 mang tên Phạm Văn N là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại cho bị cáo là có căn cứ.

[7] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định.

Từ nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Xử phạt: Phạm Văn N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn N cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Trả lại bị cáo Phạm Văn N: 01 giấy phép lái xe ô tô có số 350103001373 mang tên Phạm Văn N (Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thị xã D và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 30/10/2024)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị cáo Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tươi

Nơi nhận:
- *TAND Tối cao*
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TX Duy Tiên;*
- *VKSND thị xã Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;*
- *Cơ quan THAHS Công an TX Duy Tiên;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;*
- *Bị cáo; đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*